

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 95/STC-TTr ngày 07/9/2016; Báo cáo thẩm định số 44/BCTĐ-STP ngày 26/8/2016 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Sở Tài chính giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại, tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định thành lập.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

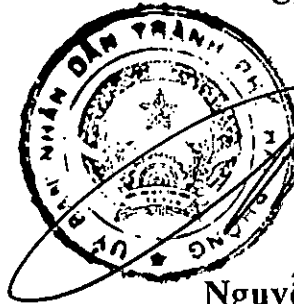
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ; Người đại diện phần vốn nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *le*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ TP;
- TTTU, TT HĐND TP, Đoàn ĐBQH HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QLPL - BTP;
- Sở Tư pháp;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- CVP, PVP Bùi Bá Sơn;
- Phòng: TCNS, KTGSTĐKT;
- CV: TC2, DN, KTĐN, KHĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng
Nguyễn Văn Tùng



QUY CHẾ
Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động
của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp
có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2166 /2016/QĐ-UBND
ngày 03/10/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu là các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định thành lập và nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).

2. Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ tại Quy chế này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số Hải Phòng thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật về xổ số. Trường hợp quy định của pháp luật về xổ số khác quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật về xổ số.

Chương II

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

MỤC 1. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 3. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện giám sát tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

2. Sở Tài chính Hải Phòng giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại, tổng hợp kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định thành lập.

Điều 4. Nội dung giám sát

1. Doanh nghiệp lập báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (gọi tắt là báo cáo đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp) theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ Báo cáo đánh giá của doanh nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều này và các tài liệu khác có liên quan, Sở Tài chính lập Báo cáo Giám sát tài chính của từng doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, trong đó phải có đánh giá thực trạng tài chính doanh nghiệp theo các mức độ: An toàn về tài chính, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính; nêu các khuyến nghị đối với từng doanh nghiệp là công ty mẹ, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập gửi Bộ Tài chính và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (kèm theo Báo cáo Giám sát tài chính của từng doanh nghiệp)

Điều 5. Căn cứ thực hiện giám sát tài chính

Thực hiện theo các căn cứ giám sát tài chính đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

Điều 6. Phương thức giám sát tài chính

Thực hiện theo các phương thức giám sát tài chính đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện nhiệm vụ giám sát tài chính doanh nghiệp

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chỉ tiêu giám sát tài chính đặc thù (nếu có) đối với từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ phù hợp với hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc lập kế hoạch giám sát các doanh nghiệp và thực hiện kế hoạch giám sát theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Quy chế này; giám sát theo chuyên đề hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Xây dựng hệ thống thông tin phù hợp để thu thập, lưu trữ và xử lý các thông tin của từng doanh nghiệp, báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp đảm bảo kịp thời, đầy đủ, liên tục;

d) Cảnh báo các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính, có trách nhiệm trả lời các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp về vấn đề tài chính;

đ) Trường hợp phát hiện báo cáo tài chính của doanh nghiệp có dấu hiệu không đầy đủ, không chính xác, phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu doanh nghiệp thuê công ty kế toán, kiểm toán độc lập đáp ứng điều kiện chuyên môn thực hiện việc soát xét lại số liệu tài chính của doanh nghiệp để có cơ sở đưa ra đánh giá, nhận xét và kết luận giám sát.

e) Khi phát hiện tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro, phải cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp đồng thời báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo doanh nghiệp có giải pháp kịp thời ngăn chặn, khắc phục các rủi ro, yếu kém; đưa ra các biện pháp chấn chỉnh và xử lý sai phạm về quản lý tài chính của doanh nghiệp;

g) Trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn tài chính quy định tại Điều 24 Nghị định 87/2015/NĐ-CP, có trách nhiệm báo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thực hiện chế độ giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Mục 4 Chương III Nghị định 87/2015/NĐ-CP;

h) Thông báo cho Sở Nội vụ những người quản lý doanh nghiệp là công chức hoặc viên chức không thực hiện chế độ báo cáo, không chấp hành khuyến nghị, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính.

Phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra, đánh giá thực hiện quyền và nghĩa vụ của kiểm soát viên tại các doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Xem xét, kiểm tra tính khả thi của các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, dự án đầu tư, phương án huy động vốn, các dự án và phương án khác của doanh nghiệp. Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, dự án của doanh nghiệp, việc chấp hành các quy định của pháp luật, của Ủy ban nhân dân thành phố trong suốt quá trình triển khai kế hoạch, dự án.

b) Rà soát, bổ sung, hoàn thiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của các Công ty TNHH MTV theo quy định và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Lập kế hoạch giám sát (bao gồm kế hoạch thanh tra, kiểm tra về tài chính) đối với các doanh nghiệp. Kế hoạch giám sát phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát đối với mỗi doanh nghiệp. Kế hoạch giám sát phải được lấy ý kiến của Sở Tài chính, Thanh tra thành phố trước ngày 31/12 của năm trước để hoàn thiện và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và công bố trước ngày 31/01 hằng năm.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Căn cứ kết quả giám sát, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật đối với người quản lý doanh nghiệp là công chức hoặc viên chức không thực hiện chế độ báo cáo, không chấp hành khuyến nghị, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính.

b) Căn cứ kết quả giám sát, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố đánh giá đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tại các doanh nghiệp theo quy định để làm cơ sở khen thưởng, kỷ luật (nếu có) hàng năm, xem xét bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp:

a) Xây dựng và ban hành các quy trình quản lý phục vụ giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Quy trình kế hoạch ngân sách và dự báo, quy trình kế toán, lập báo cáo tài chính hợp nhất, quy trình quản lý rủi ro tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty con, công ty liên kết;

b) Ban hành quy định phân công nhiệm vụ, trách nhiệm của các phòng, ban; cơ chế phối hợp giữa các phòng ban, đặc biệt là các phòng ban có chức năng giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ; tổ chức giám sát tài chính trong nội

bộ doanh nghiệp. Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty) sử dụng bộ máy trong tổ chức của doanh nghiệp để thực hiện việc giám sát này.

c) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động của bộ phận kiểm soát nội bộ nói riêng và doanh nghiệp nói chung, đảm bảo thu thập được thông tin về các chỉ tiêu giám sát tài chính doanh nghiệp;

d) Lập và gửi các báo cáo phục vụ công tác giám sát tài chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 200/2015/TT-BTC và Khoản 1 Điều 4 Quy chế này;

đ) Được quyền thuê tổ chức dịch vụ tư vấn tài chính để xây dựng chỉ tiêu giám sát tài chính đặc thù (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt làm cơ sở để tổ chức thực hiện;

e) Có trách nhiệm thuê công ty cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán độc lập theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố để soát xét lại số liệu tài chính của doanh nghiệp, chi phí này được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp;

g) Xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro trong quản lý tài chính doanh nghiệp khi có cảnh báo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính;

h) Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính trong các báo cáo giám sát. Trường hợp không thống nhất, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Khi Ủy ban nhân dân thành phố đưa ra ý kiến cuối cùng thì doanh nghiệp có trách nhiệm phải thực hiện các ý kiến đó.

MỤC 2. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 8. Các dấu hiệu mất an toàn tài chính của doanh nghiệp

Trường hợp doanh nghiệp có một hoặc một số dấu hiệu cảnh báo khả năng thuộc tình trạng phải giám sát tài chính đặc biệt được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giao các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng liên quan xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp để quyết định đưa doanh nghiệp vào diện giám sát tài chính đặc biệt hay tiếp tục thực hiện giám sát tài chính theo quy định.

Điều 9. Quyết định giám sát tài chính đặc biệt

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thống nhất, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định giám sát tài chính đặc biệt

đối với doanh nghiệp. Việc giám sát tài chính đặc biệt được thực hiện theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

Điều 10. Quy trình xử lý đối với doanh nghiệp được đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Phối hợp với doanh nghiệp tiến hành phân tích, đánh giá các nguyên nhân chính dẫn tới khả năng mất an toàn tài chính của doanh nghiệp.

b) Yêu cầu doanh nghiệp xây dựng phương án khắc phục các khó khăn tài chính gửi Sở Tài chính xem xét đánh giá xem xét đánh giá báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Phương án khắc phục tài chính phải quy định rõ đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm triển khai; kết quả cụ thể khi hoàn thành phương án; thời hạn bắt đầu và dự kiến hoàn thành; các điều kiện cần và đủ để triển khai phương án và nhu cầu hỗ trợ trong phạm vi quy định của pháp luật (nếu có).

Hoặc khi nhận được phương án khắc phục tài chính của doanh nghiệp, Sở Tài chính báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thuê tư vấn giúp nghiên cứu và đánh giá phương án khắc phục. Chi phí thuê tư vấn được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

c) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt phương án khắc phục tài chính của doanh nghiệp trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án của doanh nghiệp kèm báo cáo nhận xét đánh giá của Sở Tài chính.

Giám sát doanh nghiệp thực hiện phương án khắc phục tài chính, phương án cơ cấu lại doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, công tác quản lý tài chính, điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đưa ra ý kiến chỉ đạo đối với doanh nghiệp.

đ) Đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố phương án xử lý trong trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện các yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố mà kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp không được cải thiện.

e) Đánh giá và đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đưa doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt ra khỏi danh sách giám sát tài chính đặc biệt khi doanh nghiệp đã phục hồi, không còn các dấu hiệu mất an toàn tài chính và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát theo quy định tại Quy

chế này. Ủy ban nhân thành phố ban hành quyết định kết thúc giám sát tài chính đặc biệt.

g) Trong trường hợp cần thiết, có thể báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức kiểm tra doanh nghiệp nhằm đánh giá tính trung thực, chính xác về các chỉ tiêu trong các báo cáo của doanh nghiệp; công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành doanh nghiệp; công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính và các nguồn lực khác của doanh nghiệp.

Việc kiểm tra phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra. Kết thúc kiểm tra phải có báo cáo, kết luận về những nội dung kiểm tra và đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trường hợp phương án khắc phục doanh nghiệp cơ cấu lại tổ chức thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt phương án cơ cấu lại của doanh nghiệp trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án của doanh nghiệp kèm báo cáo nhận xét đánh giá của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phương án cơ cấu lại phải quy định rõ đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm triển khai; kết quả cụ thể khi hoàn thành phương án; thời hạn bắt đầu và dự kiến hoàn thành; các điều kiện cần và đủ để triển khai phương án và nhu cầu hỗ trợ trong phạm vi quy định của pháp luật (nếu có).

b) Phối hợp với Sở Tài chính giám sát doanh nghiệp thực hiện phương án cơ cấu lại doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Trường hợp doanh nghiệp thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt sau khi kết thúc thời hạn áp dụng phương án khắc phục, phương án cơ cấu lại mà chưa phục hồi được hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính theo phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, phương án khắc phục thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện chuyển đổi sở hữu hoặc sắp xếp lại doanh nghiệp theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp thuộc diện giám sát đặc biệt.

1. Thực hiện nhiệm vụ theo quy định về trách nhiệm của Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty), Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp Khoản 1 và Khoản 2 tại Điều 27 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp theo các nội dung và mẫu biểu như đối với các doanh nghiệp khác được quy định tại Quy chế này.

3. Thời hạn gửi các báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện như sau: Đối với báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo; báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu của quý tiếp theo và báo cáo năm phải gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

MỤC 3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 12. Các tiêu chí và căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp căn cứ vào các chỉ tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Căn cứ đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp

Thực hiện theo các căn đánh giá hiệu quả, xếp loại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

Điều 14. Cơ quan thực hiện và phương pháp đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp

1. Sở Tài chính là cơ quan được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ thực hiện việc đánh giá hiệu quả và kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

2. Phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Điều 14 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 15. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp

1. Đối với doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP và các chỉ tiêu do Ủy ban nhân dân thành phố giao tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, lập và gửi Báo cáo đánh giá và xếp

loại hằng năm cho Sở Tài chính để thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt công bố xếp loại cho doanh nghiệp

b) Báo cáo đánh giá và xếp loại hằng năm được lập theo Biểu mẫu quy định kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và gửi cho Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

2. Sở Tài chính:

a) Sở Tài chính thẩm định báo cáo đánh giá hiệu quả và xếp loại của các doanh nghiệp.

b) Lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại của các doanh nghiệp, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 5 của năm tiếp theo.

3. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Công khai chỉ tiêu đánh giá, xếp loại các doanh nghiệp;

b) Phê duyệt Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích được giao của các doanh nghiệp nhà nước, báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo;

c) Công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Chương III

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 16. Chủ thể giám sát

Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước.

Sở Tài chính là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp báo cáo giám sát đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 17. Nội dung giám sát tài chính:

1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, nội dung giám sát được quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ, nội dung giám sát được quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 18. Tổ chức giám sát đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

1. Trách nhiệm của Người đại diện:

Định kỳ sáu (06) tháng và hằng năm, hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính.

Báo cáo sáu (06) tháng gửi trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo, báo cáo năm gửi trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, Sở Tài chính lập Báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và dự thảo Báo cáo kết quả giám sát tài chính của các doanh nghiệp theo các nội dung:

- Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp.
- Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp.
- Kết luận của chủ sở hữu: Có tiếp tục đầu tư hay thoái vốn.

Báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trước ngày 20 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo sáu (06) tháng và trước ngày 20 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm, dự thảo Báo cáo kết quả giám sát tài chính của các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 của năm báo cáo đối với báo cáo sáu (06) tháng và trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố:

Căn cứ Báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố ký Văn bản báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu hoạt động kém hiệu quả và có khả năng mất an toàn về tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Người đại diện thực hiện các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Tổ chức giám sát đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Trách nhiệm của Người đại diện:

Định kỳ hằng năm, Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Căn cứ báo cáo giám sát tài chính của Người đại diện, Sở Tài chính tổng hợp và thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố:

Căn cứ Báo cáo kết quả giám sát tài chính của từng doanh nghiệp và Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Quy chế này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Các doanh nghiệp căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính, Quy chế này và các quy định hiện hành xây dựng, thực hiện quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty con và công ty liên kết.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính và Quy chế này để tổ chức thực hiện giám sát các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mình quản lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng